

A Study on factors affecting responsibility accounting at Quy Nhon University

Bui Thi Xuan Ha*

Facilities office, Quy Nhon University

Received: 09/07/2019; Accepted: 29/07/2019

ABSTRACT

Responsibility accounting is a financial system that gathers the results according to different areas and scope by an administrator who is responsible for monitoring and evaluating results according to each department/responsibility center in the organization. With public non-business sections, responsibility centers are formed on the basis of the organizational structure of operation as well as service characteristics in the unit. Responsibility accounting is suitable for large-scale units, where the organizational structure is decentralized. Public non-business units in general, and Quy Nhon University in particular are a good environment for responsibility accounting to promote its efficiency. This study uses Cronbach's Alpha testing tools, EFA analysis, and logic regression to identify factors affecting responsibility accounting at Quy Nhon University. The research results showed that there are nine groups of factors affecting the responsibility accounting at the University.

Keywords: *Accountant, responsibility accountant, influential factor, Quy Nhon University.*

**Corresponding author:*

Email: buithixuanha@qnu.edu.vn

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kế toán trách nhiệm tại Trường Đại học Quy Nhơn

Bùi Thị Xuân Hà*

Phòng Cơ sở vật chất, Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận bài: 09/07/2019; Ngày nhận đăng: 29/07/2019

TÓM TẮT

Kế toán trách nhiệm là hệ thống kế toán tập hợp kết quả theo lĩnh vực, phạm vi khác nhau do một nhà quản trị chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá kết quả theo từng bộ phận/trung tâm trách nhiệm trong đơn vị. Với các đơn vị sự nghiệp công lập, các trung tâm trách nhiệm được hình thành trên cơ sở đặc điểm tổ chức bộ máy hoạt động cũng như đặc điểm dịch vụ trong đơn vị. Kế toán trách nhiệm phù hợp với những đơn vị có quy mô lớn, cơ cấu tổ chức phân cấp, phân quyền. Các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và Trường Đại học Quy Nhơn nói riêng là môi trường tốt để kế toán trách nhiệm phát huy hiệu quả. Nghiên cứu này sử dụng các công cụ kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích EFA và hồi quy logics để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm tại Trường Đại học Quy Nhơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy có chín nhóm nhân tố ảnh hưởng đến công tác kế toán trách nhiệm tại Trường.

Từ khóa: *Kế toán, kế toán trách nhiệm, nhân tố ảnh hưởng, Trường Đại học Quy Nhơn.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu này là một nghiên cứu thực nghiệm về xác định các nhân tố có ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm tại Trường Đại học Quy Nhơn. Nghiên cứu tiến hành chọn mẫu thuận tiện và khảo sát với số phiếu phát điều tra là 104 phiếu và số phiếu thu về hợp lệ là 104 phiếu, tương ứng với tỷ lệ phiếu hợp lệ đạt 100%.

Do kế toán trách nhiệm dựa vào sự phân quyền, các tiêu chuẩn, thước đo thành quả, sự đánh giá, phân phối phần thưởng,... Vì vậy, có nhiều nhà nghiên cứu ở các quốc gia khác nhau, lĩnh vực khác nhau nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm, cụ thể như: Gharayba và cộng sự (2011) nghiên cứu mức độ áp dụng các yếu tố của kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp;⁵ Joda và cộng sự (2009) nghiên cứu về mức độ

áp dụng kế toán trách nhiệm trong các khách sạn tại Jordani;⁷ Al Hanini (2013) nghiên cứu mức độ áp dụng kế toán trách nhiệm trong các ngân hàng;³ Ngoc Tien Nguyen và cộng sự (2019) nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi;⁸...

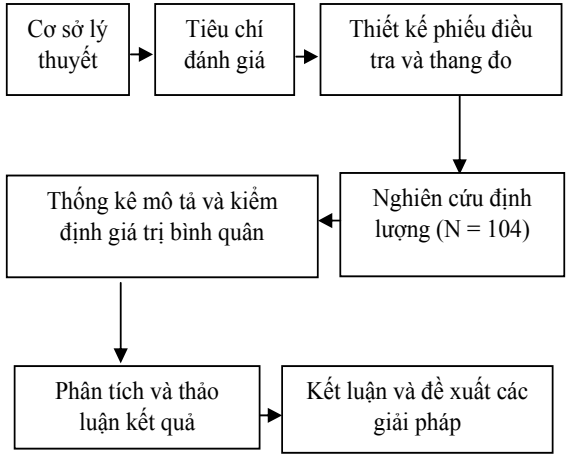
Để đánh giá mức độ áp dụng kế toán trách nhiệm, các nhà nghiên cứu sử dụng các thang đo khác nhau, cụ thể như: Al Hanini (2013) sử dụng 43 thang đo, mặc dù nghiên cứu trong lĩnh vực ngân hàng nhưng 43 thang đo này được phát triển từ 7 yếu tố ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm của Gharayba và cộng sự (2011). Đồng thời, nghiên cứu Nguyễn Ngọc Tiến (2017) đã phát triển thêm biến đo lường mới là đo lường mức độ ảnh hưởng của môi trường pháp lý và các yếu tố thuộc về đặc điểm hoạt động của đơn

* Tác giả liên hệ chính:

Email: buithixuanha@qnu.edu.vn

vị.¹ Qua khảo sát sơ bộ tại Trường Đại học Quy Nhơn nhận thấy Trường có các đặc điểm này của kế toán trách nhiệm và chi tiết nội dung của từng thang đo cho thấy có sự phù hợp với nội dung nghiên cứu của tác giả; Vì vậy, tác giả tiến hành tham khảo và chỉnh sửa cho phù hợp nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu.

Quy trình nghiên cứu được tác giả tiến hành thông qua sơ đồ 1.

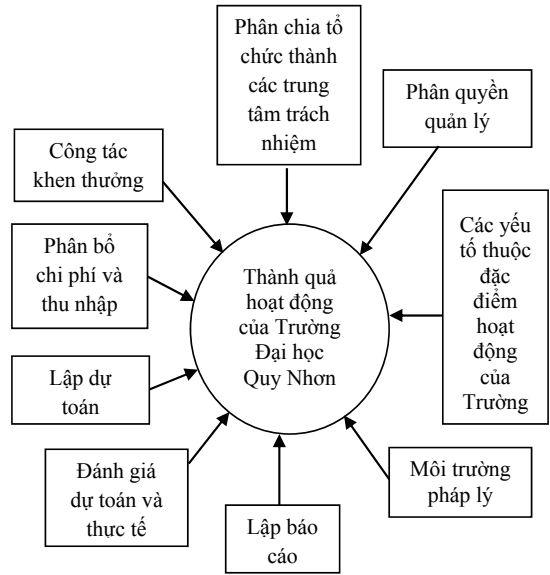


Sơ đồ 1. Quy trình nghiên cứu

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mô hình nghiên cứu

Từ tổng quan nghiên cứu, nghiên cứu này được thực hiện thông qua mô hình nghiên cứu như sơ đồ 2.



Sơ đồ 2. Mô hình nghiên cứu
(Nguồn: Tác giả đề xuất)

Từ mô hình đề xuất đó, tác giả đề xuất phương trình nghiên cứu dự kiến là:

$$Y = \alpha + \beta_1 * PQ + \beta_2 * PC + \beta_3 * DD + \beta_4 * PB + \beta_5 * KT + \beta_6 * LD + \beta_7 * DG + \beta_8 * BC + \beta_9 * PL + \epsilon$$

Trong đó:

- + Y: Thành quả công tác kế toán trách nhiệm của Trường
- + PQ: Phân quyền quản lý
- + PC: Phân chia tổ chức thành các trung tâm trách nhiệm
- + DD: Các yếu tố thuộc đặc điểm hoạt động của Trường
- + PB: Phân bổ chi phí và thu nhập
- + KT: Công tác khen thưởng
- + LD: Lập dự toán
- + DG: Đánh giá dự toán với thực tế
- + BC: Lập báo cáo
- + PL: Môi trường pháp lý
- + ε: Sai số ngẫu nhiên

2.2. Luận giải các biến và thang đo

Các biến và thang đo của mô hình nghiên cứu được xác định như ở bảng 1.

Bảng 1. Các nhóm nhân tố và các biến thang đo được kiểm định

Các nhóm nhân tố kiểm định	Các biến thang đo cần kiểm định
1. Phân quyền quản lý	6 biến quan sát gồm: Viên chức quản lý tại trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) được thông báo về nhiệm vụ của mình (PQ1);Viên chức quản lý tại trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) có đủ thẩm quyền thích hợp để thực hiện công việc của mình (PQ2); Mỗi công việc trong đơn vị (khoa/phòng/ban/viện) được mô tả cũng như xác định trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng (PQ3); Các viên chức/người lao động của trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện công việc của mình (PQ4); Viên chức quản lý của trung tâm trách nhiệm (khoa/ phòng/ban/viện) có đủ thời gian để thực hiện công việc của mình (PQ5); Trách nhiệm giải trình của viên chức/ người lao động phù hợp với trách nhiệm của họ (PQ6).
2. Phân chia tổ chức thành các trung tâm trách nhiệm	7 biến quan sát gồm: Nhà trường phân chia cơ cấu tổ chức thành các đơn vị (khoa/phòng/ban/viện) theo bản chất của hoạt động của từng đơn vị (PC1); Nhà trường phân chia công việc một cách rõ ràng trong các đơn vị (khoa/phòng/ban/viện) (PC2); Có sự mô tả một cách rõ ràng các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) trong Trường (PC3); Các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) trong Trường có sự phối hợp và rõ ràng trong mối quan hệ (PC4); Tại mỗi trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) có một người quản lý chuyên ngành (PC5); Mỗi trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) có một kiểu hoạt động đặc thù (PC6); Mỗi trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) có các hoạt động đặc trưng và đồng nhất của trung tâm trách nhiệm đó (PC7).
3. Phân bổ chi phí và thu nhập	5 biến quan sát gồm: Tất cả các khoản thu liên quan đến trung tâm trách nhiệm(khoa/phòng/ban/viện) được xác định và ghi nhận (PB1); Tất cả các khoản chi phí liên quan đến trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) được xác định và ghi nhận (PB2); Có một hệ thống rõ ràng để so sánh những khoản thu nhập với những khoản chi phí tại các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) trong toàn Trường (PC3); Có một chính sách rõ ràng về phân phối chi phí gián tiếp/chi phí quản lý cho các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) (PC4); Có một hệ thống rõ ràng để xác định và phân bổ các khoản chi phí và các khoản thu nhập trong Trường (PC5).
4. Lập dự toán	4 biến quan sát gồm: Dự toán ngân sách hoạt động được lập liên quan tới tất cả các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) một cách riêng biệt (LD1); Dự toán ngân sách hoạt động tại các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) được lập định kỳ hàng năm cho các hoạt động (LD2); Nhà trường tổ chức đào tạo các viên chức/người lao động tại các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) và khuyến khích họ đạt được mục tiêu hoạt động tại các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) (LD3); Tất cả các viên chức/người lao động tại các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) tham gia vào việc lập dự toán của trung tâm trách nhiệm theo phần việc của họ (LD4).
5. Đánh giá dự toán với thực tế	6 biến quan sát gồm: So sánh thành quả thực tế với thành quả kế hoạch đã được lập của các trung tâm trách nhiệm thuận tiện cho việc liên hệ thông tin giữa các cấp hành chính (DG1); So sánh việc thực hiện giữa thực tế với kế hoạch đã được lập của các viên chức/ người lao động tại các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) giúp đánh giá thành quả của các viên chức/người lao động (DG2); So sánh việc thực hiện giữa thực tế với kế hoạch đã được lập của các viên chức/người lao động tại các trung tâm trách nhiệm để cung cấp thông tin thích hợp trong những thời điểm phù hợp (DG3); So sánh việc thực hiện giữa thực tế với kế hoạch đã được lập của các viên chức/người lao động tại các trung tâm trách nhiệm nhằm xác định chênh lệch, kết quả và xác định ai là người chịu trách nhiệm (DG4); Công tác đánh giá giữa dự toán và thực tế được thực hiện thường xuyên và định kỳ (DG5).

6. Lập báo cáo	8 biến quan sát gồm: Báo cáo của các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) được chuẩn bị để đo lường thành quả của trung tâm trách nhiệm đó (BC1); Viên chức quản lý và viên chức/người lao động của các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) tham gia vào việc thiết kế mẫu của báo cáo đánh giá thành quả tại đơn vị (BC2); Báo cáo liên quan đến trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) quan tâm đến khía cạnh tài chính (BC3); Báo cáo liên quan đến trung tâm trách nhiệm quan tâm (khoa/phòng/ban/viện) lập trên cả khía cạnh tài chính và khía cạnh phi tài chính như: quy trình nội bộ, sinh viên, học viên, tài chính, học tập và phát triển,... (BC4); Các báo cáo đo lường thành quả của mỗi trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) một cách riêng biệt (BC5); Thông tin của báo cáo được kết nối với những viên chức/người lao động chịu trách nhiệm về những thông tin đó (BC6); Độ lệch được đề cập trong báo cáo được phân tích và nghiên cứu (BC7); Các phương pháp để xử lý những nguyên nhân của các chênh lệch đã được đề cập trong báo cáo sẽ được đưa ra thảo luận và xử lý thích hợp (BC8).
7. Công tác khen thưởng	5 biến quan sát gồm: Việc khen thưởng được thực hiện thường xuyên (KT1); Mức đánh giá khen thưởng phù hợp với trách nhiệm của viên chức/người lao động tại các trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) (KT2); Các viên chức/người lao động hài lòng về chính sách khen thưởng của Nhà trường (KT3); Nhà trường dựa vào căn cứ khách quan và hiệu quả công việc để khen thưởng và động viên viên chức/người lao động (KT4); Có sự xem xét lại định kỳ chính sách khen thưởng trong Nhà trường (KT5).
8. Môi trường pháp lý	4 biến quan sát gồm: Khung pháp lý về kế toán (luật kế toán, chế độ kế toán) bao quát hết các hoạt động của Trường (PL1); Các luật khác liên quan đến hoạt động của Trường đều được vận dụng phù hợp (PL2); Nội quy và quy chế hoạt động của Trường chi phối trực tiếp đến việc tổ chức công tác kế toán (PL3); Nội quy và quy chế hoạt động của Trường chi phối trực tiếp đến việc tổ chức công tác kế toán (PL4).
9. Các yếu tố thuộc đặc điểm hoạt động của Trường	6 biến quan sát gồm: Người sử dụng thông tin do kế toán cung cấp (DD1); Hệ thống kiểm soát nội bộ của Trường (DD2); Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại Trường (DD3); Địa vị pháp lý và tính chất hoạt động của Trường (DD4); Có sự đa dạng trong các hoạt động đào tạo và dịch vụ của Trường (DD5); Có sự đa dạng về bậc đào tạo/địa bàn đào tạo của Trường (DD6).
10. Thành quả của kế toán trách nhiệm	3 biến quan sát gồm: Công tác kế toán trách nhiệm rất hiệu quả (Y1); Công tác kế toán trách nhiệm phù hợp với xu hướng chung của các đơn vị sự nghiệp có thu (Y2); Công tác kế toán trách nhiệm phù hợp với tình hình thực tế tại Trường (Y3).

(Nguồn: tác giả tổng hợp từ phiếu khảo sát)

2.3. Phương pháp thu thập dữ liệu

Nguồn dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng cách gửi bảng câu hỏi trực tiếp đến một số cá nhân làm công tác kế toán, các nhà quản lý, các trưởng khoa, phòng, ban, giám đốc trung tâm,... nhằm khảo sát thực trạng công tác kế toán trách nhiệm tại Trường Đại học Quy Nhơn.

Tác giả chọn cách tiếp cận này vì chi phí phát sinh cho việc thu thập dữ liệu điều tra thấp, những người được khảo sát chủ yếu là các

đồng nghiệp hoặc các cấp lãnh đạo trong đơn vị, người trả lời có thời gian suy nghĩ nên câu trả lời thường có chất lượng cao.

2.4. Phương pháp phân tích dữ liệu

Các dữ liệu thu thập được từ các bảng hỏi, tác giả tiến hành mã hóa dữ liệu, nhập liệu và xử lý bởi phần mềm SPSS 22.0 để trình bày các phân tích thống kê tần số, thống kê mô tả, kiểm định dữ liệu và phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy,...

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

3.1. Kết quả kiểm định Cronbach’s Alpha

Bảng 2. Kết quả kiểm định Cronbach’s Alpha các thang đo và biến nghiên cứu

TT	Thang đo kiểm định	Số quan sát	Cronbach’s Alpha
1	Phân quyền quản lý	6	0.823
2	Phân chia tổ chức thành các trung tâm trách nhiệm		
	Kiểm định lần 1	7	0.615
	Kiểm định lần 2 (sau khi loại 2 biến: PC5, PC7)	5	0.820
3	Công tác khen thưởng	5	0.903
4	Phân bổ chi phí và thu nhập	5	0.843
5	Lập dự toán	4	0.904
6	Đánh giá dự toán và thực tế	5	0.750
7	Lập báo cáo		
	Kiểm định lần 1	8	0.843
	Kiểm định lần 2 (sau khi loại 2 biến: BC7, BC8)	6	0.922
8	Môi trường pháp lý	4	0.898
9	Các yếu tố thuộc về đặc điểm hoạt động của Trường	6	0.907
10	Công tác kế toán trách nhiệm tại Trường Đại học Quy Nhơn	3	0.693

(Nguồn: tác giả tập hợp từ kết quả nghiên cứu)

3.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA (lần 1) như sau: Hệ số KMO và Bartlett’s Test cho giá trị 0.608 và Sig là 0.000. Tổng phương sai trích là 71.736% (lớn hơn so với mức tiêu chuẩn > 50%), tức là 71.736% biến động của số liệu được giải thích bởi 10 nhóm nhân tố. Tuy nhiên, biến PQ5 (Viên chức quản lý của trung tâm trách nhiệm (khoa/phòng/ban/viện) có đủ thời gian để thực hiện công việc của mình) và biến DG5 (Công tác đánh giá giữa dự toán và thực tế được thực hiện thường xuyên và định kỳ) có hệ số tải nhân tố (Factor Loading) nhỏ hơn 0.3 nên tác giả loại bỏ biến quan sát này.

Sau khi loại 2 biến quan sát trên, tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA (lần 2). Kết quả phân tích được trình bày ở bảng 3 và 4.

Theo bảng KMO và Bartlett’s Test (2) ta có hệ số KMO = 0.620 > 0.5 (lớn hơn mức tối thiểu để đảm bảo phân tích EFA thích hợp, theo Hair et al, 2010[6]) và mức Sig. của kiểm định Bartlett’s là 0.000 < 0.05 có nghĩa là các biến có

Kết quả kiểm định Cronbach’s Alpha được thể hiện ở bảng 2. Kết quả kiểm định các thang đo cho thấy tất cả các thang đo đều phù hợp và đánh tin cậy, có ý nghĩa thống kê để sử dụng phân tích nhân tố khám phá EFA tại Trường Đại học Quy Nhơn.

tương quan trong tổng thể. Như vậy phân tích EFA của chúng ta là thực sự có ý nghĩa. Đồng thời, kết quả phân tích cho thấy, trong bảng phương sai trích ở trên, theo tiêu chuẩn Eigenvalue > 1 thì có 9 nhóm nhân tố được rút ra. Tổng phương sai trích là 70.880% (lớn hơn so với mức tiêu chuẩn > 50%), tức là 70.880% biến động của số liệu được giải thích bởi 9 nhóm nhân tố.

Đối với Hệ số tải nhân tố Factor Loading trong các nhóm, khi sử dụng phép xoay Varimax nhằm thu được hệ số tải tốt nhất, ta thu được 9 nhóm nhân tố được đặt tên là lập báo cáo (gồm 6 biến), các yếu tố thuộc đặc điểm hoạt động của Trường (gồm 6 biến), công tác khen thưởng (gồm 5 biến), phân quyền quản lý (gồm 6 biến), môi trường pháp lý (gồm 4 biến), lập dự toán (gồm 4 biến), phân chia tổ chức thành các trung tâm trách nhiệm (gồm 5 biến), phân bổ chi phí và thu nhập (gồm 5 biến) và đánh giá dự toán và thực tế (gồm 5 biến), cụ thể như bảng 5.

Theo bảng KMO và Bartlett’s Test ta có hệ số KMO = 0.669 > 0.5 (lớn hơn mức tối thiểu để

đảm bảo phân tích EFA thích hợp) và mức Sig của kiểm định Bartlett's là $0.000 < 0.05$ có nghĩa là các biến có tương quan trong tổng thể. Như vậy, phân tích EFA của chúng tôi thực sự có ý nghĩa.

Bảng 3. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's Test (lần 2)

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.620
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	3500.085
	df	946
	Sig.	.000

(Nguồn: tác giả tập hợp từ kết quả nghiên cứu)

Bảng 4. Kết quả tổng biến thiên của dữ liệu được giải thích (lần 2)

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	6.282	14.278	14.278	6.282	14.278	14.278	4.568	10.381	10.381
2	5.200	11.817	26.095	5.200	11.817	26.095	4.296	9.764	20.145
3	4.174	9.485	35.581	4.174	9.485	35.581	3.867	8.788	28.933
4	3.317	7.539	43.120	3.317	7.539	43.120	3.345	7.603	36.536
5	3.174	7.213	50.333	3.174	7.213	50.333	3.233	7.349	43.885
6	2.963	6.735	57.067	2.963	6.735	57.067	3.155	7.169	51.054
7	2.523	5.734	62.802	2.523	5.734	62.802	3.122	7.095	58.149
8	1.967	4.469	67.271	1.967	4.469	67.271	3.062	6.958	65.108
9	1.588	3.609	70.880	1.588	3.609	70.880	2.540	5.772	70.880
10	.975	2.216	73.096						

(Nguồn: tác giả tập hợp từ kết quả nghiên cứu)

Bảng 5. Ma trận xoay nhân tố (lần 2)

	Nhân tố								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
BC1	.925								
BC6	.883								
BC4	.856								
BC5	.839								
BC3	.816								
BC2	.708								
DD6		.901							
DD5		.865							
DD2		.798							

DD3		.798							
DD4		.789							
DD1		.746							
KT2			.913						
KT5			.807						
KT1			.787						
KT4			.782						
KT3			.770						
PL1				.921					
PL2				.903					
PL3				.826					
PL4				.785					
LD3					.919				
LD2					.887				
LD1					.885				
LD4					.753				
PC6						.827			
PC5						.821			
PC7						.729			
PC4						.720			
PC2						.710			
PB1							.793		
PB4							.742		
PB5							.737		
PB2							.726		
PB3							.625		
PQ4								.851	
PQ1								.841	
PQ3								.744	
PQ2								.654	
PQ6								.633	
DG1									.904
DG2									.744
DG3									.651
DG4									.627

(Nguồn: tác giả tập hợp từ kết quả nghiên cứu)

Biến công tác kế toán trách nhiệm tại Trường Đại học Quy Nhơn gồm 3 biến quan sát, kết quả chạy phân tích nhân tố được trình bày ở bảng 6.

Bảng 6. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.669
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	52.124
	df	3
	Sig.	.000

(Nguồn: tác giả tập hợp từ kết quả nghiên cứu)

Bảng 7. Tổng biến thiên của dữ liệu được giải thích

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	1.866	62.213	62.213	1.866	62.213	62.213
2	.601	20.050	82.263			
3	.532	17.737	100.000			

(Nguồn: tác giả tập hợp từ kết quả nghiên cứu)

Đồng thời, trong bảng phương sai trích ở trên, theo tiêu chuẩn Eigenvalue > 1 thì có 1 nhân tố được rút ra. Tổng phương sai trích là 62.213% (lớn hơn so với mức tiêu chuẩn > 50%), tức là 62.213% biến động của số liệu được giải thích bởi nhân tố này.

Ma trận nhân tố rút ra như ở bảng 8.

Bảng 8. Ma trận nhân tố

	Nhân tố
	1
Y3	.807
Y1	.787
Y2	.772

(Nguồn: tác giả tập hợp từ kết quả nghiên cứu)

Như vậy, kết quả chạy phân tích nhân tố cho thấy chúng ta rút ra được 1 nhân tố công tác kế toán trách nhiệm và 9 nhân tố ảnh hưởng đến thành quả hoạt động, tất cả đều đáng tin cậy và có ý nghĩa thống kê.

3.3. Phân tích hồi quy

Để thực hiện phân tích hồi quy, tác giả tiến hành tính giá trị trung bình của các nhóm nhân tố ảnh hưởng. Kết quả phân tích hồi quy được trình bày ở bảng 9.

Bảng 9. Kết quả phân tích hồi quy

	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	T	Sig.	VIF
	B	Sai số chuẩn	Beta			
Hằng số	-3.878	.658		-5.892	.000	
PQ	.415	.080	.334	5.202	.000	1.124
PC	.405	.078	.331	5.202	.000	1.108
KT	.249	.057	.313	4.408	.000	1.383
PB	.256	.059	.319	4.335	.000	1.482
LD	.181	.049	.237	3.665	.000	1.139
DG	.200	.075	.167	2.657	.009	1.082
BC	.096	.043	.144	2.222	.029	1.150
PL	.104	.046	.145	2.284	.025	1.102
DD	.243	.048	.326	5.113	.000	1.112

(Nguồn: tác giả tập hợp từ kết quả nghiên cứu)

Bảng 10. Hệ số xác định R²

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	.810 ^a	.656	.623	.308102574913693

a. Predictors: (Constant), DD, PB, DG, PC, PQ, PL, LD, BC, KT

(Nguồn: tác giả tập hợp từ kết quả nghiên cứu)

Bảng 11. Kết quả kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy

ANOVA^a

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	17.024	9	1.892	19.927	.000 ^b
	Residual	8.923	94	.095		
	Total	25.948	103			

a. Dependent Variable: Y

b. Predictors: (Constant), DD, PB, DG, PC, PQ, PL, LD, BC, KT

(Nguồn: tác giả tập hợp từ kết quả nghiên cứu)

Ở bảng 9, kết quả phân tích hồi quy cho thấy tất cả các biến độc lập đều thực sự có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc Y (điều này được kết luận thông qua kiểm định T-test với mức Sig của các Test đều bé hơn 1%, 5% hoặc 10%).

Vấn đề đa cộng tuyến (một khuyết tật của mô hình quan trọng trong những trường hợp số liệu điều tra) cũng không xuất hiện trong mô hình. Cụ thể các hệ số phóng đại phương sai VIF đều bé hơn mức 10 (mức được xác định có đa cộng tuyến cần xử lý).

Ở bảng 10, có thể thấy R^2 của mô hình là 65.6%, chứng tỏ các biến độc lập giải thích được cao biến động của biến phụ thuộc (các yếu tố nhiễu chỉ chiếm 15.4%). Kết quả kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy thông qua thống kê F từ bảng ANOVA cũng cho thấy mô hình thực sự phù hợp (mức Sig của kiểm định rất nhỏ 0.000).

Như vậy, dựa vào bảng kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kế toán trách nhiệm tại Trường Đại học Quy Nhơn như sau:

$$Y = -3.878 + 0.415*PQ + 0.405*PC + 0.249*KT + 0.256*PB + 0.181*LD + 0.200*DG + 0.096*BC + 0.104*PL + 0.243*DD$$

Hơn nữa, thông qua cột hệ số beta chuẩn hóa ta cũng có thể thấy, PQ có tác động mạnh nhất tới biến phụ thuộc Y (hệ số beta chuẩn hóa là 0.334), tiếp đó là PC và DD (lần lượt hệ số beta chuẩn hóa là 0.331 và 0.326). Ảnh hưởng thấp nhất đến biến phụ thuộc là yếu tố BC với hệ số beta chuẩn hóa chỉ là 0.144. Còn các yếu tố khác như PB, KT, LD, DG, PL có mức ảnh hưởng gần tương đương nhau.

4. THẢO LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

- Thứ nhất: Về sự phân cấp quản lý

Trên cơ sở cơ cấu tổ chức, Ban Giám hiệu cần thực hiện ủy quyền cho các viên chức quản lý của các trung tâm trách nhiệm với nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng hơn để quản lý và có nghĩa vụ chịu trách nhiệm cho kết quả và hiệu quả hoạt động của các trung tâm trách nhiệm do mình phụ trách. Các viên chức quản lý nên được giao quyền phù hợp với bản chất của các hoạt động và phù hợp với trách nhiệm cần thiết để đưa ra các quyết định liên quan đến trách nhiệm của các trung tâm cũng như chịu trách nhiệm về phương diện quản lý đối với kết quả cuối cùng của trung tâm trách nhiệm của mình. Điều này giúp hạn chế tình trạng quá tải trong quá trình xử lý công việc của Ban Giám hiệu, đặc biệt là Hiệu trưởng.

- Thứ hai: Về phân chia cơ cấu tổ chức thành các trung tâm trách nhiệm

Căn cứ vào sứ mệnh và tầm nhìn, mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, Nhà trường cần thực hiện việc tái cơ cấu tổ chức thành những trung tâm trách nhiệm khác nhau dựa trên bản chất hoạt động của từng đơn vị theo hướng tinh gọn và có cơ chế quản trị linh hoạt. Việc phân chia này sẽ hạn chế được tình trạng đùn đẩy công việc và trách nhiệm giữa các đơn vị trong Trường. Các trung tâm trách nhiệm bao gồm trung tâm trách nhiệm doanh thu, trung tâm trách nhiệm chi phí, trung tâm trách nhiệm lợi nhuận và trung tâm trách nhiệm đầu tư. Cụ thể: trung tâm trách nhiệm chi phí là các phòng ban chức năng, các khoa chuyên môn; trung tâm doanh thu là Phòng Kế hoạch - Tài chính; trung tâm lợi nhuận là các trung tâm như trung tâm ngoại ngữ, tin học...; trung tâm đầu tư là Ban Giám hiệu.

- Thứ ba: Về phân bổ chi phí và thu nhập

Cần kiểm soát chặt hơn các khoản thu nhập của các trung tâm trách nhiệm để đảm bảo sự công bằng trong việc cấp kinh phí hoạt động về các đơn vị. Các khoản thu này phải được nộp trực tiếp về Phòng Kế hoạch - Tài chính. Bên cạnh đó cần yêu cầu các trung tâm trách nhiệm có văn bản và phương án chi cụ thể để theo dõi kỹ hơn, tránh lãng phí kinh phí của Trường. Việc kiểm soát này sẽ giúp xác định trách nhiệm của mỗi trung tâm với chi phí gián tiếp và chi phí quản lý, các khoản thu nhập để hạn chế sự chồng chéo trách nhiệm và tính chi phí chính xác hơn, phù hợp hơn.

- Thứ tư: Về thực hiện lập dự toán tại các trung tâm trách nhiệm

Nhà trường cần thực hiện liên kết giữa thành quả kế hoạch với thành quả thực tế của các năm học trước và tình hình hoạt động hiện tại nhằm thiết lập dự toán ngân sách. Đồng thời, cần khuyến khích tất cả viên chức, người lao động tại các trung tâm trách nhiệm cùng tham gia vào việc lập dự toán để nâng cao vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân nhằm đảm bảo dự toán khả thi và có thể đạt được mục tiêu chung của toàn trường khi áp dụng vào thực tế.

- Thứ năm: Về thực hiện đánh giá kết quả đạt được giữa dự toán so với thực tế

Để đánh giá kết quả đạt được cũng như đánh giá trách nhiệm của các viên chức quản lý tại các trung tâm trách nhiệm trong Trường, kế toán trách nhiệm nên sử dụng dự toán để kiểm soát và đo lường kết quả đạt được của Nhà trường. Trường Đại học Quy Nhơn cần đánh giá kết quả đạt được thực tế so với dự toán một cách thường xuyên, liên tục để đáp ứng những thông tin cho Ban Giám hiệu ra quyết định một cách kịp thời. Bên cạnh đó, cần có sự đánh giá thẳng thắn, khách quan, xác định rõ ràng trách nhiệm của các chênh lệch không mong muốn thuộc về viên chức, người lao động cụ thể để có biện pháp xử lý thích hợp.

- Thứ sáu: Về lập báo cáo kế toán trách nhiệm

Trên cơ sở đánh giá dự toán và thực tế tại các trung tâm trách nhiệm, các trung tâm trách nhiệm cần có các báo cáo để đo lường thành quả với mục đích xác định nguyên nhân và xem xét cá nhân hay đơn vị chịu trách nhiệm về các chênh lệch đó. Điều này có nghĩa là, các viên chức quản lý phải phân tích lý do có sự chênh lệch giữa kết quả đạt được thực tế với dự toán đã lập, đồng thời phải lập các báo cáo gửi cho các cấp quản trị kịp thời. Ngoài ra, các viên chức quản lý và viên chức, người lao động của các trung tâm trách nhiệm cần tham gia vào việc thiết kế mẫu của báo cáo đánh giá thành quả tại đơn vị trên cơ sở biểu mẫu chung nhằm nắm bắt thông tin giúp thuận lợi trong quá trình lập báo cáo.

- Thứ bảy: Về công tác khen thưởng

Khi đã có các báo cáo kế toán trách nhiệm, Ban Giám hiệu cần phải có một chính sách khuyến khích, khen thưởng kịp thời và tương xứng với kết quả đạt được tại các trung tâm trách nhiệm. Chính sách khuyến khích, khen thưởng muốn hiệu quả thì các báo cáo kế toán trách nhiệm nên làm rõ những lý do của sự chênh lệch giữa kết quả thực tế với dự toán. Đồng thời, chính sách khen thưởng cần đảm bảo sự khách

quan và toàn diện; cần bổ sung những quy định khen thưởng đặc thù, phù hợp với nhiệm vụ của viên chức không phải là giảng viên và viên chức quản lý. Định kỳ cần rà soát, lấy ý kiến, sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích, khen thưởng cho phù hợp với quá trình phát triển của Nhà trường. Có như vậy, hệ thống khen thưởng sẽ hoạt động có hiệu quả và khuyến khích viên chức, người lao động phấn đấu nhiều hơn để cải thiện kết quả của mình.

- Thứ tám: Về môi trường pháp lý

Khung pháp lý về kế toán tại Việt Nam đang dần hoàn thiện trong những năm gần đây và trong thời gian tới, đặc biệt là đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Vì vậy, cần cập nhật kịp thời, căn cứ trên những quy định của khung pháp lý về kế toán như Luật Kế toán, Chế độ kế toán và các luật khác có liên quan đến hoạt động của Trường để ban hành các nội quy và quy chế hoạt động cho phù hợp với đặc điểm hoạt động, cơ cấu tổ chức và các chính sách của chính quyền địa phương.

- Thứ chín: Về các yếu tố thuộc đặc điểm hoạt động của Trường

Việc thiết kế một hệ thống kế toán trách nhiệm phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu sử dụng thông tin của các cấp quản lý trong Nhà trường, hệ thống kiểm soát nội bộ, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán, sự đa dạng trong các hoạt động đào tạo, dịch vụ và sự đa dạng về bậc đào tạo, địa bàn đào tạo của Trường,... Cần có các buổi tập huấn về các nội quy, quy định, quy chế mà Nhà trường ban hành để giúp cho quá trình thực hiện hạn chế được sai sót, giúp cho công việc được xử lý nhanh hơn. Bên cạnh đó, Nhà trường cần ký hợp đồng với công ty phần mềm cùng sự phối hợp của các kế toán viên các phân hành tại Phòng Kế hoạch - Tài chính để cho ra đời một phần mềm tối ưu, đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn trong quá trình hạch toán. Những điều trên sẽ giúp cho hệ thống kế toán trách nhiệm phù hợp và có hiệu quả hơn trong quá trình vận hành nhằm kiểm soát các hoạt động và đạt được mục tiêu đề ra.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng kế toán trách nhiệm tại Trường Đại học Quy Nhơn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố lập báo cáo, các yếu tố thuộc đặc điểm hoạt động của Trường, công tác khen thưởng, phân quyền quản lý, môi trường pháp lý, lập dự toán, phân chia tổ chức thành các trung tâm trách nhiệm, phân bổ chi phí thu nhập và đánh giá dự toán thực tế. Trong các nhân tố trên, các nhân tố về phân quyền quản lý, phân chia Trường thành các trung tâm trách nhiệm, phân bổ chi phí và thu nhập có tác động mạnh nhất. Vì vậy, Trường Đại học Quy Nhơn cần phải kiện toàn lại mô hình tổ chức quản lý, các chính sách khen thưởng, chính sách phân bổ chi phí và thu nhập để nâng cao hiệu quả của công tác kế toán trách nhiệm tại Trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Tiến. *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp chế biến thức ăn gia súc trên địa bàn tỉnh Bình Định*, Đại học Quy Nhơn, Bình Định, 2017.
2. Al Hanini et al. "The extent of implementing responsibility accounting features in the Jordanian Banks", *European journal of business and management*, **2013**, 5(1), 217- 229.
3. Birmberg, J. G. and Shields, M. D. "Three decades of behavioral accounting research: A search for order", *Behavioral Research in Accounting 1*, **1989**, 23-74.
4. Gharayba, et al. "The extent of applying the elements of responsibility accounting in the Industrial Shareholding Companies and effect on the Company's Profitability and Operational efficiency", *Administrative Sciences*, **2011**, 38(1), 219-234.
5. Hair & et al. *Multivariate Data Analysis*, Prentice-Hall International, Inc, 2010.
6. Joda, et al. "The extent of applying responsibility accounting in the Jordanian hotels", *Zarqa journal for research and studies*, **2009**, 9(2), 23- 49.
7. Ngoc Tien Nguyen, et al. "Factors affecting the responsibility accounting in Vietnamese firms: A case study for livestock food processing enterprises", *Management Science Letters* 9 (2019), **2019**, 1349-1360.